

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **92/2024/HSST**

Ngày 07/06/2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Phương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Bá Xuân

Ông Phùng Ngọc Toàn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 07/06/2024, Tòa án nhân dân quận Ba Đình - thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm hình sự thụ lý số 71/2024/TLST- HS ngày 16 tháng 04 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2024/HSST-QĐ ngày 09/05/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2024/QĐ-TA ngày 24/05/2024 đối với bị cáo: **Bùi Thanh N**, Sinh năm: 1982; HKTT và nơi ở: số 2/298/26/59 tổ 6 L, phường L, Long Biên, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Nhân viên y tế trường Th - Long Biên – Hà Nội; Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ và tên bố: Bùi Nguyên C, Sinh năm: 1959 (đã mất); Họ và tên mẹ: Vũ Hoa T, Sinh năm: 1961; Gia đình bị cáo có 03 chị em; bị cáo là con thứ nhất. Họ tên chồng: Nguyễn Văn H, Sinh năm: 1979; Bị cáo có 02 con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm: 2008. Danh chỉ bản số 465 lập ngày 26/12/2023 tại Công an quận Ba Đình.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

* Người bị hại : Chị Dương Thị C, Sinh năm: 1991; Trú tại: số 5 nhà E khu tập thể X, phường P, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/08/2019, thông qua mạng xã hội facebook hội nhóm “tìm việc làm”, Bùi Thanh N biết chị Dương Thị C có nhu cầu làm được chứng chỉ hành nghề, nên N đã nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của chị C bằng cách N sử dụng tài khoản “N Bùi” nhắn tin và xin số điện thoại của chị C, đưa ra thông tin không có thật là giới thiệu có người quen làm việc tại Sở Y Tế Hà Nội có thể làm được chứng chỉ hành nghề Dược giúp chị C.

Ngày 23/8/2019, N đến nhà chị C tại số 11 ngõ 22 Phúc Xá, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội để lấy giấy tờ làm chứng chỉ và nói với chị C chi

phí hết 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Do tin tưởng Bùi Thanh N và đang cần chứng chỉ hành nghề Dược nên chị C đã chuyển số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) vào tài khoản số 1501000185450 thuộc Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) mang tên Bùi Thanh N. Nhận tiền xong, N đã viết “giấy biên nhận” cho chị C và hứa hẹn trong 20 ngày sẽ có kết quả, nếu không sẽ hoàn trả tiền cho chị C. Khoảng 3 tuần sau, N báo lại là không xin được chứng chỉ hành nghề Dược như đã hứa.

Ngoài ra, bản thân Bùi Thanh N không phải là cán bộ nhân viên trong Bệnh viện Trung Ương Quân đội 108 và cũng không có mối quan hệ quen biết nào trong Bệnh viện Trung Ương Quân đội 108, nhưng N biết chị C chưa xin được việc làm, nên N tự giới thiệu bản thân hiện đang là bác sỹ khoa Nội tiêu hóa - Bệnh viện Trung Ương Quân đội 108, có thể xin việc được cho chị C vào làm tại Khoa Dược - Bệnh viện Trung Ương Quân đội 108 với chi phí xin việc là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và yêu cầu chị C đưa trước số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Do tin tưởng Bùi thanh N, ngày 06/09/2019, chị C đã chuyển khoản 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và ngày 11/09/2019, tiếp tục chuyển tiếp 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho N. N yêu cầu chị C chuẩn bị hồ sơ xin việc và viết “giấy biên nhận” cho chị C với nội dung xin việc cho chị C vào làm việc tại Bệnh viện Trung Ương Quân đội 108 và hẹn đến ngày 01/10/2019 sẽ được ký hợp đồng đi làm, nếu không xin việc được sẽ trả lại số tiền đã nhận của chị C sau 07 (bảy) ngày.

Sau một thời gian, chị C đã làm xong hồ sơ xin việc và liên hệ với N để nhận hồ sơ, N hẹn gặp chị C ở Bệnh viện Trung Ương Quân đội 108. Để tiếp tục tạo niềm tin, N mặc áo blue trắng từ trong viện đi ra để nhận hồ sơ của chị C.

Đến ngày hẹn, N không xin được việc cho chị C vào làm tại khoa Dược Bệnh viện Quân y 108, chị C đã liên lạc nhiều lần để đòi lại tiền nhưng N không trả lại chị C. Do vậy, chị C đã gửi đơn tố giác đến cơ quan Công an.

*** Vật chứng thu giữ:**

- 01 (một) “giấy biên nhận” đứng tên Bùi Thanh N đề ngày 23/8/2019
- 01 (một) “giấy biên nhận” đứng tên Bùi Thanh N đề ngày 06/9/2019

Tại cơ quan điều tra, Bùi Thanh N khai: Sau khi nhận được số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) của chị C để làm chứng chỉ hành nghề Dược, N đã gặp một người đàn ông tên Tâm (không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) thường làm chứng chỉ hành nghề Dược hay xuất hiện ở cổng Sở Y Tế Hà Nội và đưa cho Tâm số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), để Tâm làm chứng chỉ hành nghề Dược cho chị C. Khoảng 3 tuần sau, N tìm lại Tâm để hỏi chứng chỉ hành nghề thì N không thể liên lạc được với Tâm.

Theo Bản kết luận giám định số 1661/KLGĐ-PC09-Đ3 ngày 01/03/2021 kết luận: “*Chữ viết phần nội dung (Trừ chữ số “5” trong cụm từ “tiền đặt cọc là 50.000.000 Triệu” và chữ viết có nội dung “Tôi đã chuyển đủ 50 triệu... vào ngày 6/9/2019”), và chữ ký dưới mục “Người nhận tiền”, chữ viết dòng họ tên “Bùi Thanh N” dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A với chữ viết chữ ký đứng tên Bùi Thanh N trên mẫu so sánh ký hiệu M là chữ do cùng một người viết và ký ra.*”

- Chữ viết có nội dung “Tôi đã chuyển đủ 50 triệu... vào ngày 06/9/2019” trên mẫu cần giám định ký hiệu A với chữ viết đứng tên Bùi Thanh N trên mẫu so sánh ký hiệu M không phải là chữ do cùng một người viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ số “5” trong cụm “tiền đặt cọc là 50.000.000 triệu” trên mẫu cần giám định ký hiệu A với chữ viết đứng tên Bùi Thanh N trên mẫu so sánh ký hiệu M có phải là chữ do cùng một người viết ra hay không.”

Theo Bản kết luận giám định số 3086/KLGDD-PC09-DD3 ngày 16/4/2021 kết luận: “Chữ viết, chữ ký đứng tên Bùi Thanh N trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A) với chữ viết, chữ ký đứng tên Bùi Thanh N trên mẫu so sánh (Ký hiệu M) là chữ do cùng một người viết, ký ra.”

Công văn số 760/BV 108-QL ngày 05/2/2021 của Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 - Bộ Quốc phòng cung cấp:

- Danh sách cán bộ, nhân viên đang công tác tại Bệnh viện TW Quân đội 108 không có ai tên là Bùi Thanh N (sinh năm: 1982; địa chỉ: số 2 tổ 17, phường N Lâm, Long Biên, Hà Nội)

- Từ năm 2019 đến nay, Bệnh viện TWQĐ 108 không tiếp nhận hồ sơ xin việc của ứng viên có tên Dương Thị C (sinh năm 1991, HKTT: số 5 nhà E khu tập thể Trường Trung cấp xây dựng, phường Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội).

Bùi Thanh N đã khắc phục hậu quả trả lại cho chị C tổng số tiền là 52.500.000đồng (năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền còn lại 9.500.000đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng) chị C không yêu cầu N phải bồi thường thêm.

Đối với đối tượng tên Tâm, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể, nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

Tại Cơ quan điều tra Bùi Thanh N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai bị hại, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra.

Tại Cáo trạng số 68/CT-VKS ngày 02/4/2024 Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình quyết định truy tố bị cáo Bùi Thanh N về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận tội như đã khai tại cơ quan điều tra, bị cáo thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện. Bị cáo khai do thiếu tiền nên đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Người bị hại – chị Dương Thị C đã được bị cáo bồi thường tổng số tiền là 52.500.000đồng (năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), còn lại 9.500.000đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng) chị C không yêu cầu bồi thường tiếp. Chị Dương Thị C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm Sát tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Thanh N từ **24** tháng đến **30** tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách từ **48** đến **60** tháng. Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Truy thu sung quỹ nhà nước của bị cáo số tiền 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng)

Bị cáo không tranh luận gì với kết luận của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và mức hình phạt.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Do hoàn cảnh gia đình và nẩy lòng tham nên bị cáo đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo nhận thức mình đã vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Ba Đình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2017; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Thanh N không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với vật chứng đã thu giữ, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Bùi Thanh N không có chức năng, nhiệm vụ tuyển dụng cán bộ vào Bệnh viện Trung ương Quân đội 108; không có khả năng xin cấp chứng chỉ hành nghề Dược, cũng không quen biết ai tại Sở Y tế Hà Nội nhưng N đã đưa ra các thông tin không có thật, khiến cho chị Dương Thị C tin tưởng N có khả năng xin cấp chứng chỉ hành nghề và xin việc làm. Nên chị C đã chuyển cho N số tiền 12.000.000đồng (*mười hai triệu đồng*) để làm chứng chỉ hành nghề Dược; Sau đó, ngày 06/09/2019 chị C chuyển cho N số tiền: 30.000.000đồng và ngày 11/09/2019, chị C chuyển cho N số tiền 20.000.000 đồng để xin việc cho chị C vào làm việc tại khoa Dược- Bệnh viện Trung ương Quân đội 108. Sau khi nhận tiền của chị C, N không xin việc cho chị C, không làm chứng chỉ hành nghề Dược cho chị C và đã chi tiêu hết số tiền trên. Tổng số tiền Bùi Thanh N chiếm đoạt của chị Dương Thị C là : 62.000.000đồng.

Bị cáo Bùi Thanh N có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo Bùi Thanh N đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3]. Viện kiểm sát truy tố bị cáo Bùi Thanh N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, và đúng quy định của pháp luật.

[4]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây bất bình trong quần chúng nhân dân.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội nhiều lần nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa hôm nay và tại cơ quan điều tra bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, lần đầu phạm tội, hiện bị cáo đang nuôi hai con nhỏ. Tài sản đã bồi thường, khắc phục toàn bộ cho người bị hại. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7]. Sau khi xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 BLHS cũng đủ răn đe, đồng thời giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích.

[8]. Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo là người có thu nhập thấp nên thấy cần miễn hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[9]. Về trách nhiệm dân sự:

Bùi Thanh N trả lại cho chị C tổng số tiền là 52.500.000đồng (*năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*), còn lại 9.500.000đồng (*chín triệu năm trăm nghìn đồng*) chị C không yêu cầu bồi thường tiếp. Xét đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 9.500.000 đồng (*chín triệu năm trăm nghìn đồng*) để sung quỹ nhà nước.

[10]. Về án phí:

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[11]. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2017;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Căn cứ:

- điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;
- Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2017;
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Khoản 1, mục 1 danh mục mức án phí lệ phí Tòa án.

[2]. Xử phạt:

Bị cáo **Bùi Thanh N 24 (Hai mươi bốn)** tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **48 (bốn mươi tám)** tháng kể từ ngày Tòa tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường L, Long Biên, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo: Miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc Bùi Thanh N phải nộp số tiền 9.500.000đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

[4]. Về án phí :

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

[5]. Quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- VKSND quận Ba Đình;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an quận Ba Đình;
- Chi cục THADS quận Ba Đình
- Lưu HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Phương